

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 668/2024/DS-PT

Ngày: 31-12-2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Phạm Ngọc Giàu;

2. Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 644/2024/QĐ-PT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966; cư trú tại: ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim L: Anh Trần Tổ T, sinh năm 1991; cư trú tại: khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19-11-2024); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm 1996; cư trú tại: Tổ A, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Vũ H: Ông Trần Anh Tích L1, sinh năm 1973; cư trú tại: Số I, Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 12-12-2024); có mặt.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Vũ H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2023 của bà Nguyễn Thị Kim L và lời khai của người đại diện hợp pháp của bà L, anh Trần Tổ T trình bày: Bà L có phần đất diện tích 307 m², thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có nguồn gốc vợ chồng bà L, ông Trần Ngọc M nhận chuyển nhượng của bà Ngô Xuân T1 từ năm 2008, do nhận hết thừa đất nên không đo đạc. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết GCN QSDĐ) được cấp thể hiện, phần đất có chiều ngang giáp đường, dài 6,49 m, trên đất có căn nhà cấp 4 của chủ cũ. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà L đã xây lại nhà mới nhưng vẫn trên nền móng nhà cũ; năm 2015 ông M chồng bà L chết, ngày 16-12-2019, bà L làm thủ tục hưởng thừa kế và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà L đứng tên.

Giáp ranh đất của bà L ở hướng Bắc là đất của anh Nguyễn Vũ H, thửa số 1067, do anh H nhận chuyển nhượng của ông Trần Công M1 năm 2021. Từ trước đến nay giữa đất của bà L và ông M1 nay là đất anh H không có hàng rào hay công trình gì phân ranh, khi xây nhà bà L chừa đất ra có chiều ngang khoảng 0,6 m ở phía Bắc để đi ra phía sau nhà. Năm 2021, anh H xây hàng rào bằng lưới B40 sát nhà của bà L, lấn chiếm một phần đất bà L chừa ra. Tại thời điểm anh H làm hàng rào, bà L đang ở nước ngoài và đang có dịch Covid-19 nên bà không về được. Khi bà L về Việt Nam, có liên hệ với anh H để đo đạc xác định ranh giữa hai bên, nhưng anh H không có mặt nên phát sinh tranh chấp.

Kết quả đo đạc, anh H xây hàng rào lấn chiếm qua đất của bà L diện tích 66,8 m², trên phần đất tranh chấp có hàng rào lưới B40 của anh H xây dựng và 01 cây dừa, 01 cây sầu đâu của chủ đất cũ trồng. Bà L yêu cầu anh H trả lại diện tích 66,8 m², tại thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh do bà L đứng tên GCN QSDĐ và yêu cầu anh H tự tháo dỡ di dời hàng rào xây dựng trên đất bà L.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ H, người đại diện hợp pháp của anh H, ông Nguyễn Thanh Văn H1 trình bày: Anh H có phần đất diện tích 199 m², thửa số 1067, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh giáp ranh với đất của bà L. Ngày 16-3-2021, anh H được Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh T cấp GCN QSDĐ, đất của anh H có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông M1 năm 2021. Do nhận chuyển nhượng đất trọn thửa nên không đo đạc. Khi anh H nhận chuyển nhượng đất, giữa đất của bà L và đất anh H đã có sẵn một phần hàng rào lưới B40 của bà L ở phía trước giáp đường, còn ranh chiều dài 02 thửa đất giáp nhau là tường nhà của bà L. Năm 2021, anh H xây hàng rào lưới B40 bà L không có mặt, nên anh H có hỏi bà Ngô Xuân T1 (chủ đất cũ chuyển nhượng cho bà L) vị trí ranh đất, bà T1 xác định vị trí ranh đất sát tường nhà bà L, nên anh H xây hàng rào cách tường nhà của bà L khoảng 0,2 m. Tháng 6-2023, bà L tự ý thuê công ty Đ và cấm cọc lún qua đất của anh H nên phát sinh tranh chấp.

Theo kết quả đo đạc, phần đất tranh chấp có diện tích 66,8 m², thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh do bà L đứng tên GCN QSDĐ. Anh H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và có đơn phản tố, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp cho anh H đứng tên.

Trường hợp Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp là của bà L thì anh H tự di dời hàng rào lưới B40, không yêu cầu bồi thường; anh H không tranh chấp cây trồng trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2024/DS-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về “Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề” đối với anh Nguyễn Vũ H.

Buộc anh Nguyễn Vũ H trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L diện tích 66,8 m², loại đất ONT, trong thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, trên đất có 01 cây dừa và 01 cây sầu đâu; đất có tứ cận: Đông giáp đường nhựa, dài 0,22 m; Tây giáp nương, dài 3,14 m; Nam giáp phần còn lại của thửa số 126, dài 40,28 m; Bắc giáp thửa số 1067, dài 39,91 m (có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Anh Nguyễn Vũ H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 không xây chân dài 27 m, cao 1,8 m và 10 trụ sắt trên phần đất diện tích 66,8 m², loại đất ONT, trong thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh đi nơi khác, bà Nguyễn Thị Kim L không có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Vũ H.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Vũ H yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 66,8 m², trong thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho anh đứng tên.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 07-10-2024, anh Nguyễn Vũ H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của bà L đòi lại diện tích 66,8 m², trong thửa số 126, tờ bản đồ số 22 và chấp nhận yêu cầu phản tố của anh về việc công nhận diện tích 66,8 m², trong thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho anh đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của anh H cho rằng, bà L khai đất của bà từ tường nhà bà ra 0,6 m là không có cơ sở, vì chủ đất cũ xác định chỉ chuyển nhượng đất cho bà L chiều rộng 06 m, chiều dài 28 m từ giáp đường trở vô, nhưng khi cấp giấy cho chủ đất nhận chuyển nhượng hết thửa đất cả khu lô – cốt quân sự là không đúng theo pháp luật; diện tích tranh chấp theo kết quả đo đạc 66,8 m², trong thửa số 126, tờ bản đồ số 22 là không chính xác vì diện tích này là đất quốc phòng. Cấp sơ thẩm xác định đất anh H tăng hơn so với GCN QSDĐ được cấp là không có cơ sở, vì diện tích này là đất quốc phòng; đất anh H nhận chuyển nhượng giáp tường nhà bà L, nên anh H làm hàng rào không lấn qua đất bà L khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận khởi kiện của bà L; chấp nhận kháng cáo của anh H, công nhận cho anh H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 66,8 m², một phần thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bà L, anh T thống nhất với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân thị xã T đã xét xử, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Phần đất của bà L, anh H có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của người khác, do nhận trọn thửa nên không đo đạc; vị trí các thửa đất được cấp GCN QSDĐ cho chủ đất cũ và vị trí cấp GCN QSDĐ cho bà L, anh H khi nhận chuyển nhượng không thay đổi; diện đất tranh chấp theo kết quả đo đạc 66,8 m², một phần thửa số 126, tờ bản đồ số 22, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSDĐ ngày 16-12-2019 cho bà L đứng tên, do đó kháng cáo của anh H không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Vũ H kháng cáo theo đúng trình tự và hợp pháp, trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Vũ H trả lại diện tích đất tranh chấp 66,8 m², một phần thửa số 126, tờ bản đồ số 22, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSDĐ ngày 16-12-2019 do bà L đứng tên, đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh và yêu cầu anh H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào ra khỏi đất của bà.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L thấy rằng:

[3.1] Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 22, diện tích 307 m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16-12-2019 cho bà Nguyễn Thị Kim L đứng tên, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Ngô Xuân T1 từ năm 2008. Theo kết quả đo đạc ngày 16-9-2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T, đất có tứ cận: Đông giáp đường nhựa, dài 6,27 m (giấy được cấp dài 6,49m); Tây giáp nương, dài 4,81m + 1,5m (thuộc thửa số 127; giấy được cấp dài 8,5m); Nam giáp thửa 127, dài 41,57m (giấy được cấp dài 42,05m); Bắc giáp đất anh H thửa số 1067, dài 40,28m (giấy được cấp dài 40,35m).

[3.2] Thửa đất số 1067, tờ bản đồ số 22, diện tích 199 m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16-3-2021 cho anh Nguyễn Vũ H đứng tên. Theo kết quả đo đạc ngày 16-9-2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T, đất có tứ cận: Đông giáp đường nhựa, dài 5,22m (giấy được cấp dài 05m); Tây giáp nương, dài 5,49m + 3,14m = 8,63m (giấy được cấp dài 05m); Nam giáp thửa 126 của bà L, dài 40,28m (giấy được cấp dài 40,19m); Bắc giáp thửa số 1068, dài 39,61m (trùng với giấy được cấp).

[3.3] Phần diện tích đất tranh chấp 66,8m², thuộc một phần thửa số 126, tờ bản đồ số 22 cấp chung GCN QSDĐ ngày 16-12-2019 cho bà L đứng tên, có tứ cận: Đông giáp đường nhựa, dài 0,22m; Tây giáp nương, dài 3,14m; Nam giáp phần còn lại của thửa số 126, dài 40,28m; Bắc giáp thửa số 1067 dài 39,91m.

[4] Các bên đương sự đều thừa nhận, khi nhận chuyển nhượng đất không đo đạc mà thỏa thuận làm thủ tục sang tên theo thửa đất được cấp GCN QSDĐ. Theo kết quả đo đạc, phần đất tranh chấp được cấp GCN QSDĐ cho bà L và thực tế phần đất bà L sử dụng giảm so với GCN QSDĐ được cấp; còn phần đất anh H sử dụng tăng so với GCN QSDĐ được cấp và theo GCN QSDĐ thửa số 126, tờ bản đồ số 22, được UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24-11-2006 cho bà Ngô Xuân T1 đứng tên có diện tích 307m², có chiều rộng giáp đường 6,49m, chiều rộng phía sau 8,5m đúng với diện tích, chiều dài, chiều rộng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCN QSDĐ cho bà L đứng tên, nên việc trình bày của chủ đất cũ bà Ngô Xuân T1 chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà L phần đất chiều rộng trước, sau dài 06m là không đúng sự thật, do đó không có cơ sở để xem xét.

[5] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24-12-2024 theo yêu cầu ông Nguyễn Thanh Văn H1, là người đại diện hợp pháp (theo Giấy ủy quyền ngày 28-6-2023) cũng là cha ruột của anh H (trước khi anh H ủy quyền lại cho ông Trần Anh T2 Lan ngày 12-12-2024) thể hiện: Phía sau thửa đất số 126, có 01 lô - cốt (khu quân sự) và phía sau thửa đất số 1067, cũng có 01 lô - cốt (khu quân sự); phần lô - cốt (khu quân sự) này nằm trong GCN QSDĐ cấp cho bà L, anh H, không liên quan đến ranh đất tranh chấp giữa hai bên; hiện trạng 02 thửa đất không có gì thay đổi so với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28-12-2023 của Tòa án nhân dân thị xã TB. Với những chứng cứ có trong hồ sơ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, không chấp nhận phản tố của anh H và buộc anh H trả cho bà L diện tích đất lấn chiếm 66,8m², một phần thửa số 126, tờ bản đồ số 22 và buộc anh H tháo dỡ, di chuyển toàn bộ hàng rào lưới B40 không xây chân và 10 trụ sắt ra khỏi phần đất tranh chấp của bà L là có căn cứ.

[6] Anh H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của bà L và công nhận diện tích 66,8 m², trong thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho anh đứng tên nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không được chấp nhận. Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh H là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền tổng cộng 7.438.000 đồng; ở giai đoạn sơ thẩm bà L đã ứng nộp 5.238.000 đồng; ở giai đoạn phúc thẩm anh H nộp số tiền 2.200.000 đồng (ông H1 nộp thay) yêu cầu xem xét thẩm định lại phần đất tranh chấp. Số tiền 7.438.000 đồng đã chi phí hết cho đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, kháng cáo của anh H không được chấp nhận nên anh H có nghĩa nộp lại số tiền 5.238.000 đồng để trả cho bà L.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; do không chấp nhận kháng cáo, nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, 203 của Luật Đất đai; Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Vũ H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2024/DS-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)” đối với anh Nguyễn Vũ H.

Buộc anh Nguyễn Vũ H trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L phần đất có tứ cận: Đông giáp đường nhựa, dài 0,22 m; Tây giáp nương, dài 3,14 m; Nam giáp phần còn lại của thửa số 126, dài 40,28 m; Bắc giáp thửa số 1067, dài 39,91m, diện tích 66,8 m², loại đất ONT, một phần thửa số 126, tờ bản đồ số 22, trên đất có 01 cây dừa và 01 cây sầu đâu, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT080713, số vào sổ cấp GCN: CS06988 ngày 16-12-2019 cho bà L đứng tên; anh H có nghĩa vụ tháo dỡ, di chuyển toàn bộ hàng rào lưới B40, không xây chân, 10 trụ sắt ra khỏi phần đất buộc trả cho bà L; đất tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (kèm theo sơ đồ đo đạc).

3. Không chấp nhận khởi kiện phản tố của anh Nguyễn Vũ H, về việc yêu cầu công nhận diện tích 66,8 m², một phần thửa số 126, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho anh đứng tên (kèm theo sơ đồ đo đạc).

4. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Vũ H có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 5.238.000 đồng (năm triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1. Bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0027583 ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Anh Nguyễn Vũ H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0015750 ngày 22-8- 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; anh H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5.3. Anh Nguyễn Vũ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0000358 ngày 07-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; anh H đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã TB;
- CCTHADS thị xã TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC;
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ